**Definitions of theory**

**Quy Tran Thi Kim**

**DEFINITIONS OF THEORY**

**1. Concept :**

Concept is an object, a basic form of thinking (including an idea, a meaning of a common name in the logical category, or an inference) that reflects the common attributes, processes, phenomena in psychology and the most basic connection of objects in objective reality.

**2. Conceptual Model :**

Itis a representation of a system, made of the composition of concepts which are used to help people know, understand, or simulate a subject the model represents. In general, a conceptual model or framework is a real or conceptual structure intended to serve as a support or guide for the building of something that expands the structure into something useful

**3. Construct**

It is an idea or theory containing various conceptual elements, typically one considered to be subjective and not based on empirical evidence.Construct is build something or put together different parts to form something whole. Moreover, construct is a noun meaning an image, idea, or theory, especially a complex one formed from a number of simpler elements.

**4. Critical Appraisal**

Critical appraisal is the process of carefully and systematically assessing the outcome of scientific research (evidence) to judge its trustworthiness, value and relevance in a particular context. Critical appraisal looks at the way a study is conducted and examines factors such as internal validity, generalizability and relevance.

**5. Correlation Study** A correlational study is a scientific study in which a researcher. investigates associations between variables and none of the. variables are manipulated.
**6. Theory**

It is a supposition or a system of ideas intended to explain something, especially one based on general principles independent of the thing to be explained. A good theory is that a theory can explain many phenomena, predict new phenomena and be empirically tested.

**7. Dependent variable**

It is a dependent variable is a variable whose value depends upon independent variables .A factor or phenomenon that is changed by the effect of an associated factor or phenomenon called the independent variable.

**8. Evidence Based Practice** It means integrating individual clinical expertise with the best available external clinical evidence from systematic research. Evidence Based Practice is doing the right thing in the right way for the right patient at the right time.

**9. Paradigm**

It is a pattern or an example of something. A paradigm is a standard, perspective, or set of ideas. Paradigm is a framework containing the basic assumptions, ways of thinking, and methodology that are commonly accepted by members of a scientific community.

**10. Metaparadigm**

It is a metaparadigm is the broadest perspective of the discipline, a way to describe the concepts that concern the profession or domain. The metaparadigm for nursing describes those concepts that define the discipline of nursing.

**11. Middle Range theory** It is an approach to sociological theorizing aimed at integrating theory and empirical research. It is currently the de facto dominant approach to sociological theory construction

**12.Grand theory**

It is a term coined by the American sociologist C. Wright Mills in The Sociological Imagination to refer to the form of highly abstract theorizing in which the formal organization and arrangement of concepts takes priority over understanding the social world

**13. Worldview**

It is a theory of the world, used for living in the world.. Worldview is the fundamental cognitive orientation of an individual or society encompassing the entirety of the individual or society's knowledge and point of view. A world view can include natural philosophy; fundamental, existential, and normative postulates; or themes, values, emotions, and ethics.

**14. Philosophy**

The study of the fundamental nature of knowledge, reality, and existence, especially when considered as an academic discipline.

**15. Science**

It is the field of study concerned with discovering and describing the world around us by observing and experimenting

**16. Theoretical framework**

Theories are formulated to explain, predict, and understand phenomena and, in many cases, to challenge and extend existing knowledge within the limits of critical bounding assumptions. It is the structure that can hold or support a theory of a research study

**17. Cochrane database**

It is a collection of databases that contain high-quality, independent evidence to inform healthcare decision making

**18. Grounded theory**

It is a systematic methodology in the social sciences involving the construction of theory through the analysis of data. Grounded theory is a research methodology which operates inductively, in contrast to the hypothetico-deductive approach.

**19. Level of Evidence**

It is arranged in a ranking system used in evidence-based practices to describe the strength of the results measured in a clinical trial or research study. The design of the study and the endpoints measured affect the strength of the evidence.

**20. Research utilization**

It is the process of synthesizing, disseminating, and using research-generated knowledge to make an impact on or change in the existing nursing practice. Research utilization is a multi-step process that involves; critique and synthesis of findings from several studies, application of these findings to make a change in nursing practice, and measurement of the outcomes from the change in nursing practice. Research utilization has a smaller focus than evidence-based practice.

**21. Independent variable**

It is an independent variable is defines as the variable that is changed or controlled in a scientific experiment. ... Independent variables are the variables that the experimenter changes to test their dependent variable.

**Reference**

Ministry of Health. (2017). Research nursing science. Hanoi: Medical Publishing House.

Nam Dinh university of nursing. (2016). Research nursing. (Internal circulation material).

**Định nghĩa của lý thuyết**

**Quy Tran Thi Kim**

**ĐỊNH NGHĨA CỦA HỌC THUYẾT**

**1. khái niệm:**

Khái niệm là một đối tượng, một hình thức cơ bản của tư duy (bao gồm cả một ý tưởng, một ý nghĩa của một tên phổ biến trong các thể loại hợp lý, hoặc suy luận một) phản ánh những thuộc tính chung, quy trình, các hiện tượng tâm lý học và kết nối cơ bản nhất của các đối tượng trong thực tế khách quan.

**2. khái niệm mô hình:**

Nólà một đại diện của một hệ thống, tạo các thành phần của các khái niệm được sử dụng để giúp mọi người biết, hiểu hay mô phỏng một chủ đề các mẫu đại diện cho. Nói chung, một mô hình khái niệm hoặc khuôn khổ là một thực tế hoặc khái niệm cấu trúc nhằm mục đích phục vụ như là một hỗ trợ hoặc hướng dẫn cho việc xây dựng một cái gì đó mà mở rộng cấu trúc thành một cái gì đó hữu ích

**3. xây dựng**

Đó là một ý tưởng hoặc lý thuyết có chứa yếu tố khái niệm khác nhau, thông thường một được coi là có chủ quan và không dựa trên bằng chứng thực nghiệm. Xây dựng là xây dựng một cái gì đó hoặc đặt cùng các bộ phận khác nhau để tạo thành cái gì cả. Hơn nữa, xây dựng là một danh từ có nghĩa là một hình ảnh, ý tưởng hoặc lý thuyết, đặc biệt là một phức tạp một được hình thành từ một số yếu tố đơn giản.

**4. quan trọng đánh giá**

Thẩm định quan trọng là quá trình một cách cẩn thận và có hệ thống đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học (bằng chứng) để đánh giá tin cậy, giá trị và sự liên quan trong một bối cảnh cụ thể của nó. Quan trọng thẩm định hình cách một nghiên cứu được thực hiện và kiểm tra các yếu tố như hiệu lực nội bộ, generalizability và mức độ phù hợp.

**5. nghiên cứu mối tương quan**Một nghiên cứu correlational là một nghiên cứu khoa học trong đó một nhà nghiên cứu. điều tra các Hiệp hội giữa các biến và không ai trong số các. biến đang thao túng.
**6. lý thuyết**

Đó là một giả thuyết cho hay một hệ thống các ý tưởng nhằm mục đích giải thích cái gì, đặc biệt là một trong dựa trên tướng nguyên tắc độc lập trong những điều để được giải thích. Một lý thuyết tốt là một lý thuyết có thể giải thích nhiều hiện tượng, dự đoán hiện tượng mới và empirically được thử nghiệm.

**7. phụ thuộc vào biến**

Nó là một biến phụ thuộc vào một biến có giá trị phụ thuộc vào các biến độc lập. Một yếu tố hay hiện tượng bị thay đổi do tác dụng của một liên quan đến yếu tố hoặc hiện tượng được gọi là biến độc lập.

**8. bằng chứng dựa trên thực hành** Nó có nghĩa là tích hợp kiến thức chuyên môn cá nhân lâm sàng với tốt nhất có sẵn bên ngoài lâm sàng bằng chứng từ các nghiên cứu có hệ thống. Bằng chứng dựa trên thực tế là làm việc một cách đúng đắn cho các bệnh nhân phải vào đúng thời điểm.

**9. mô hình**

Đó là một mô hình hay một ví dụ về một cái gì đó. Một mô hình là một tiêu chuẩn, quan điểm, hoặc thiết lập các ý tưởng. Mô hình là một khung chứa các giả định cơ bản, cách tư duy và phương pháp phổ biến được chấp nhận bởi các thành viên của một cộng đồng khoa học.

**10. Metaparadigm**

Nó là một metaparadigm là quan điểm rộng nhất của kỷ luật, một cách để mô tả các khái niệm liên quan đến nghề nghiệp hoặc tên miền. Metaparadigm cho điều dưỡng mô tả các khái niệm đó mà xác định kỷ luật điều dưỡng.

**11. giữa phạm vi lý thuyết**            Đó là một cách tiếp cận để xã hội theorizing nhằm mục đích tích hợp lý thuyết và thực nghiệm nghiên cứu. Nó hiện đang là phương pháp tiếp cận chủ đạo trên thực tế để xây dựng xã hội học lý thuyết

**12. grand lý thuyết**

Nó là một thuật ngữ đặt ra bởi các xã hội học người Mỹ C. Wright Mills trong The trí tưởng tượng xã hội để đề cập đến các hình thức trừu tượng rất theorizing trong đó chính thức tổ chức và sắp xếp của các khái niệm cần ưu tiên hơn sự hiểu biết xã hội thế giới

**13. worldview**

Đó là một lý thuyết về giới, được sử dụng cho cuộc sống trong thế giới... Worldview là định hướng nhận thức cơ bản của một cá nhân hoặc xã hội bao gồm toàn bộ các cá nhân hoặc kiến thức của xã hội và quan điểm. Xem thế giới có thể bao gồm triết học tự nhiên; cơ bản, hiện sinh, và postulates quy chuẩn; hoặc chủ đề, giá trị, những cảm xúc và đạo Đức.

**14. triết học**

Nghiên cứu tính chất cơ bản của kiến thức, thực tế và sự tồn tại, đặc biệt là khi được coi là một kỷ luật học.

**15. khoa học**

Đó là lĩnh vực nghiên cứu liên quan với phát hiện và miêu tả thế giới xung quanh chúng ta bằng cách quan sát và thử nghiệm

**16. lý thuyết miêu**

Lý thuyết được xây dựng để giải thích, dự đoán và hiểu hiện tượng và trong nhiều trường hợp, để thách thức và mở rộng các kiến thức sẵn có trong giới hạn của các giả định các giáp ranh rất quan trọng. Nó là cấu trúc có thể giữ hoặc hỗ trợ lý thuyết của một nghiên cứu nghiên cứu

**17. Cochrane cơ sở dữ liệu**

Nó là một tập hợp các cơ sở dữ liệu chứa bằng chứng chất lượng cao, độc lập để thông báo cho chăm sóc sức khỏe quyết định

**18. căn cứ lý thuyết**

Nó là một phương pháp có hệ thống trong khoa học xã hội liên quan đến việc xây dựng lý thuyết thông qua phân tích dữ liệu. Căn cứ lý thuyết là một phương pháp nghiên cứu mà hoạt động ăngten, trái ngược với phương pháp tiếp cận suy hypothetico.

**19. cấp chứng cứ**

Nó được sắp xếp trong một hệ thống xếp hạng được sử dụng trong thực hành dựa trên chứng cứ để mô tả sức mạnh của các kết quả đo được trong một nghiên cứu thử nghiệm hoặc nghiên cứu lâm sàng. Việc thiết kế nghiên cứu và là hai điểm cuối đo ảnh hưởng đến sức mạnh của các bằng chứng.

**20. nghiên cứu việc sử dụng**

Nó là quá trình tổng hợp, phổ biến và sử dụng kiến thức tạo ra nghiên cứu để làm cho một tác động trên hoặc thay đổi trong thực hành điều dưỡng hiện có. Nghiên cứu sử dụng là một quá trình nhiều bước có liên quan đến; phê phán và tổng hợp kết quả từ một số nghiên cứu, ứng dụng các phát hiện này để làm cho một sự thay đổi trong thực hành điều dưỡng, và đo lường các kết quả từ sự thay đổi trong thực hành điều dưỡng. Sử dụng các nghiên cứu đã tập trung nhỏ hơn so với thực tế dựa trên bằng chứng.

**21. biến độc lập**

Nó là một biến độc lập là định nghĩa các biến thay đổi hoặc kiểm soát trong một thử nghiệm khoa học. ... Các biến độc lập là biến experimenter thay đổi thử nghiệm của biến phụ thuộc.